

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày 16/3/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà;
2. Ông Lê Minh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị NĐ**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: tổ x, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

* Bị đơn: **Ông BĐ**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị NĐ trình bày như sau:

Do chỗ quen biết bạn bè qua lại với nhau nên chị có cho ông BĐ vay nhiều lần tiền, cụ thể: Vào ngày 30/11/2020, chị cho BĐ vay số tiền 400.000.000đồng, có ghi biên nhận và số tiền 150.000.000đồng cho vay nhiều lần nhưng không ghi biên nhận. Đối với số tiền vay 400.000.000đồng, chị và BĐ thỏa thuận thời hạn vay 5 tháng, lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng. Tổng cộng số tiền BĐ vay của chị là 550.000.000đồng. Sau khi vay, BĐ có trả cho chị được 10.000.000đồng tiền lãi, số vốn vay chưa trả.

Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu BĐ có trách nhiệm trả cho chị số tiền vốn 550.000.000đồng và số tiền lãi 70.000.000đồng từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/3/2022 (16 tháng x 5 triệu/ tháng = 80.000.000đồng, trừ đi 10.000.000đồng đã trả) và tiền lãi đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu BĐ có trách nhiệm trả cho chị số tiền tổng cộng là 550.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 30/11/2020 đến ngày xét xử, có khấu trừ số tiền 10.000.000đồng BĐ đã trả.

Ngày 10/3/2023, chị có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu BĐ có trách nhiệm trả số tiền vốn 150.000.000đồng, chị chỉ yêu cầu BĐ có trách nhiệm trả cho chị số tiền vốn 400.000.000đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay 30/11/2020 đến ngày xét xử. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

* Ông BĐ đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa ngày hôm nay nhưng vắng mặt không có lý do. BĐ không cung cấp tự khai cũng như tài liệu chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tuyên: Buộc BĐ có trách nhiệm trả cho ND số tiền vốn 400.000.000đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn ND yêu cầu BĐ trả 150.000.000đồng. Về lãi suất: BĐ phải chịu lãi suất từ ngày

30/11/2020 đến khi xét xử theo quy định của pháp luật (khấu trừ 10.000.000đồng BĐ đã đóng trước đó); Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

NĐ yêu cầu BĐ trả số tiền nợ vay 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng). Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. BĐ đang cư trú tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị NĐ (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn xin xét xử vắng mặt; ông BĐ (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt NĐ và BĐ.

Nguyên đơn NĐ có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 150.000.000đồng nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của NĐ đối với yêu cầu BĐ có trách nhiệm trả số tiền 150.000.000đồng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của NĐ, HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 30/11/2020 thể hiện BĐ có vay của NĐ số tiền vay là 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng), có chữ ký và chữ viết họ tên của ông BĐ. BĐ vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận BĐ có vay của NĐ số tiền 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng).

Khi đến hạn trả nợ BĐ không thanh toán nợ cho NĐ như cam kết. BĐ không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó yêu cầu khởi kiện của NĐ là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Việc thỏa thuận lãi suất 2%/tháng (tương đương 24%/ năm) là vượt quá quy định của pháp luật. NĐ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử, có khấu trừ số tiền lãi 10.000.000đồng đã nhận. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, BĐ phải trả cho NĐ số tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tương đương 1,67%/tháng, thời gian từ ngày 30/11/2020 đến ngày 16/3/2023 là 2 năm 3 tháng 14 ngày. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

$400.000.000\text{đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 185.777.778\text{đồng}$ (làm tròn là 185.778.000đồng).

Khấu trừ số tiền lãi 10.000.000đồng mà NĐ đã nhận nên số tiền lãi BĐ còn phải trả là 175.778.000đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi BĐ phải trả là: 400.000.000đồng + 175.778.000đồng = 575.778.000đồng (năm trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên BĐ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị NĐ đối với yêu cầu ông BĐ trả số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của chị NĐ đối với yêu cầu ông BĐ trả số tiền 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay 30/11/2020 đến ngày xét xử.

Buộc ông BĐ phải có trách nhiệm trả cho chị NĐ số tiền vốn 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 175.778.000đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng là 575.778.000đồng (năm trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho chị NĐ số tiền 14.400.000đồng (mười bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011331 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Ông BĐ phải chịu nộp số tiền 27.031.000 đồng (hai mươi bảy triệu, không trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. NĐ và BĐ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND H.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS H.Thoại Sơn.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân